TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:16/2018/DS-ST
Ngày:19-3-2018.
V/v: Tranh chấp hợp đồng Mua bán.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phúc

2. Bà Võ Thị Kim Loan

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Minh Luân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang:*** không tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:157/2017/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:06/2018/QĐXX-ST ngày 06 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị Mỹ N**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Ông Nguyễn Văn H**, sinh năm 1970;

Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Tại phiên tòa có mặt bà N; vắng mặt ông H, bà P)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N trình bày:

Ngày 26/02/2015, bà có bán vật tư xây dựng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị P với số tiền mua hàng là 25.477.000đồng nhưng ông H, bà P chỉ thanh toán 5.000.000đồng, còn nợ 20.477.000đồng. Khi mua hàng, bà có ghi giấy mua hàng thể hiện rõ loại hàng hóa, số lượng, đơn giá và ông H có

ký tên vào giấy mua hàng xác nhận còn nợ 20.477.000đồng. Bà đã nhiều lần đến nhà ông H, bà P yêu cầu trả nợ nhưng ông H, bà P cố tình lẫn tránh không trả nợ cho bà. Nay bà yêu cầu ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị P trả cho bà số tiền mua vật tư xây dựng còn nợ là 20.477.000đồng và yêu cầu trả số tiền lãi tính từ tháng 7 năm 2015 đến nay là 32 tháng theo mức lãi suất cơ bản của ngân hàng là 0,75%/tháng, thành tiền là 4.914.000đồng (20.477.000đồng/tháng x 0,75% x 32 tháng), tổng cộng tiền vốn và lãi là 25.391.000đồng, yêu cầu trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Theo bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị P trình bày:

Ông, bà thừa nhận còn nợ bà Nguyễn Thị Mỹ N số tiền mua vật tư xây dựng là 20.477.000đồng, do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông, bà xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi trả hết số nợ.

* Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị P, bà yêu cầu ông H, bà P trả số tiền mua vật tư xây dựng và số tiền lãi là 25.391.000đồng, yêu cầu trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ lời trình bày của đương sự và các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Mỹ N yêu cầu ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị P trả cho bà số tiền mua vật tư xây dựng chưa thanh toán; thời điểm phát sinh, thực hiện giao dịch mua bán là năm 2015. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 428 Bộ luật dân sự năm 2005 và bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị P có nơi cư trú tại ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ N yêu cầu ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị P trả số tiền mua vật tư xây dựng chưa thanh toán là 20.477.000đồng. Ông H, bà P thừa nhận còn nợ bà N số tiền mua vật tư xây dựng là 20.477.000đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định việc mua bán vật tư xây dựng giữa bà Nga với ông H, bà P là có thật. Xét thấy ông H, bà P thừa nhận còn nợ bà N số tiền mua vật tư xây dựng là 20.477.000đồng

nhưng ông H, bà P chưa thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005. Căn cứ Điều 428, khoản 1 Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mỹ N.

[4] Về yêu cầu trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ N yêu cầu ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị P trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất 0,75%/tháng, tính từ tháng 7 năm 2015 đến thời điểm xét xử sơ thẩm tháng 3/2018 là 32 tháng thành tiền là 4.914.000đồng. Xét thấy ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị P chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 438 và khoản 2 Điều 305 Bộ Luật dân sự năm 2005. Thời điểm ông H, bà P vi phạm nghĩa vụ trả tiền là tháng 7/2015 nên áp dụng mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm năm 2015 theo quyết định số 2868/QĐ-NHNNngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 9%/năm (0,75%/ tháng). Bà N yêu cầu trả lãi với mức lãi suất 0,75%/tháng là phù hợp mức lãi suất theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N, buộc ông H, bà P phải trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo mức lãi suất là 0,75%/tháng tính từ thời điểm ông H, bà P vi phạm nghĩa vụ trả tiền mua hàng là tháng 7/2015 đến ngày Tòa án xét xử là 19/3/2018 là 32 tháng, thành tiền là 4.914.000đồng (20.477.000đồng x 0,75% x 32 tháng). Ngoài ra, kể từ ngày bà Nguyễn Thị Mỹ N có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị P chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông H, bà P còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về phương thức trả nợ, thời điểm trả nợ: Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N xác định bà yêu cầu ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị P trả một lần toàn bộ số tiền mua vật tư xây dựng còn nợ là 20.477.000đồng và số tiền lãi là 4.914.000đồng, tổng cộng là 25.391.000đồng, yêu cầu trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị P đã vi phạm hợp đồng mua bán, nghĩa vụ trả tiền của bên mua theo quy định tại Điều 428, Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005 và bà Nga đã nhiều lần yêu cầu ông Hải, bà Phụ trả tiền nhưng ông H, bà P không trả làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà N nên việc bà N yêu cầu ông H, bà P trả một lần toàn bộ số tiền còn nợ khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về ý kiến của bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị P đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ N số tiền mua vật tư xây dựng còn nợ 20.477.000đồng và xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đồng nhưng không được bà N đồng ý và cũng không phù hợp quy định của pháp luật nên ý kiến này không được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị P phải chịu án phí trên số tiền phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Mỹ N, ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị P có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 428, Điều 438 và khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ N.

- Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị P trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ N số tiền mua vật tư xây dựng là 25.391.000đồng (hai mươi lăm triệu ba trăm chín mươi mốt ngàn đồng). Trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Mỹ N có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị P chậm thi hành việc trả tiền thì ông H, bà P còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị P phải chịu 1.269.550đồng (một triệu hai trăm sáu mươi chín ngàn năm trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Mỹ N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Mỹ N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 511.925đồng (năm trăm mười một ngàn chín trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 18857 ngày 09/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

- Bà Nguyễn Thị Mỹ N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- CCTHADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hồ Thị Kim Hương